



BỆNH VIỆN TỬ DŨ  
TU DU HOSPITAL

**ÁP DỤNG 5S  
TRONG QUẢN LÝ TỦ THUỐC TRỰC  
TẠI BỆNH VIỆN TỬ DŨ**

Ds. Hoàng Thị Vinh



BỆNH VIỆN TỬ DŨ  
TU DU HOSPITAL

**APPLYING 5S IN  
MEDICINE CABINET MANAGEMENT  
AT TU DU HOSPITAL**

Ds. Hoàng Thị Vinh



## NỘI DUNG

- 5S là gì?
- Áp dụng 5S trong quản lý tủ trực tại Bệnh viện Từ Dũ
  - ✓ Quá trình thực hiện
  - ✓ Hiệu quả
  - ✓ Thuận lợi và khó khăn
  - ✓ Biện pháp khắc phục



## CONTENTS

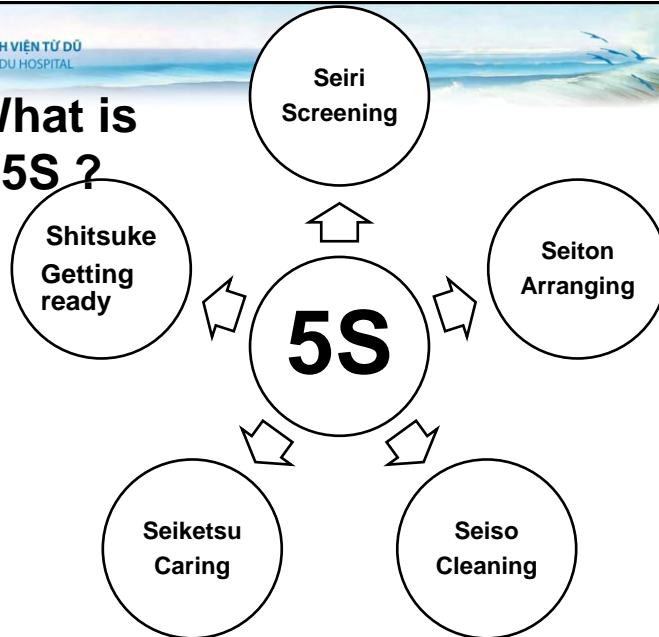
- What is 5S?
- Applying 5S in medicine cabinet management at Tu Du hospital
  - ✓ Implementing process
  - ✓ Effectiveness
  - ✓ Advantage and disadvantage
  - ✓ Solution



## 5S là gì?



## What is 5S ?





## S1 - Sàng lọc

- Xem xét, phân loại, chọn lựa và loại bỏ những thứ không cần thiết
- Những thứ cần thiết: Số lượng phù hợp



## S1 - Screening

- Check, classify, choose and discard unnecessary things
- Necessary things: Appropriate quantity





## S2 - Sắp xếp

- Bố trí, sắp đặt mọi thứ ngăn nắp, theo trật tự hợp lý để dễ dàng, nhanh chóng cho việc sử dụng
- Dễ nhìn - Dễ thấy - Dễ lấy - Dễ sử dụng



## S2 - Arranging

- Tidy up everything in order to use easily and quickly
- Easy to see – easy to find – easy to get – easy to use





## S3 - Sạch sẽ

- Giữ gìn vệ sinh nơi làm việc
- Đảm bảo môi trường, mỹ quan



## S3 - Cleaning

- Keep workplace clean.
- Guarantee good environment / setting





## S4 - Săn sóc

- Duy trì thành quả đã đạt được: Liên tục thực hiện: S1, S2, S3



## S4 - Caring

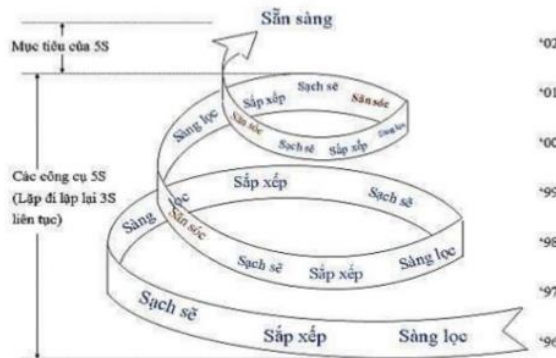
- Maintain achievement : Continuously carry out S1, S2, S3





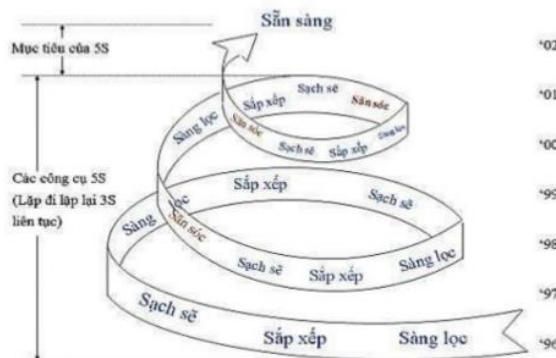
## S5 - Sẵn sàng

Tạo thói quen tự giác tuân thủ nghiêm ngặt các qui định tại nơi làm việc



## S5 – Getting ready

Create habit of voluntary and strict compliance with regulations at work







## ÁP DỤNG 5S TRONG QUẢN LÝ TỦ THUỐC TRỰC



## APPLYING 5S IN MEDICINE CABINET MANAGEMENT



# Trước khi thực hiện 5S

Chưa sạch sẽ



Chưa đồng bộ



Chưa ngăn nắp



Thuốc ít dùng  
→ hết hạn



# Before implementation

Not clean



Not  
synchronous



Not tidy



Rarely used  
→ expired



# Quá trình thực hiện

Triển khai

Thực hiện

Giám sát

- Định kỳ
- Đột xuất

II. Phương thức thực hiện:

- Quy định về trật tự thuốc là trực
- Phần loại các thuốc thành 5 nhóm gồm thuốc gây nghiện và thuốc hướng tâm thần, thuốc không sinh thuốc tiền thuốc, thuốc sống, thuốc đông y, dịch truyền.
- Các thuốc: Quy định về nhãn thuốc nhìn gần giống nhau, đặc biệt gần giống nhau qua phải.
- Kỹ thuật cảnh báo các thuốc có nguy cơ nhầm lẫn

Đông dược:

- Thảo
- Khô
- Thảo
- Thảo
- Thảo

Hiện cảnh báo các thuốc nhìn gần giống

Dẫn ký hiệu cảnh báo ở góc 1

Đông dược

BỆNH VIỆN

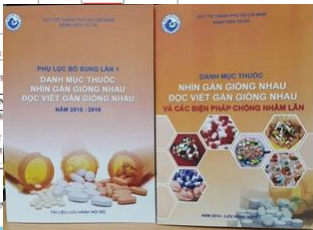
TÊN BIỆT

(Tên loại)

Cơ sở:

TRUYỀN DƯỢC

PHÒNG



Ngày nhận: \_\_\_\_\_

Họ tên người chịu trách nhiệm: \_\_\_\_\_

Tên thuốc cần kiểm tra: \_\_\_\_\_

1. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra thuốc có nhãn cảnh báo đúng nguyên nhân đã hướng dẫn (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc không sinh thuốc tiền thuốc, các thuốc sống (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc không sinh thuốc tiền thuốc gây nghiện hướng tâm thần, thuốc hướng tâm thần, thuốc sinh thuốc tiền thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc có nhãn (1 điểm)

2. Tập hợp (2 điểm)

- Tập hợp các thuốc theo quy định (1 điểm)
- Tập hợp các thuốc theo quy định ABC (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

3. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

4. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

5. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

Tổng điểm: (10 điểm)



# Quá trình thực hiện

Deploy

Implement

Monitor

- Periodically
- Suddenly

II. Phương thức thực hiện:

- Quy định về trật tự thuốc là trực
- Phần loại các thuốc thành 5 nhóm gồm thuốc gây nghiện và thuốc hướng tâm thần, thuốc không sinh thuốc tiền thuốc, thuốc sống, thuốc đông y, dịch truyền.
- Các thuốc: Quy định về nhãn thuốc nhìn gần giống nhau, đặc biệt gần giống nhau qua phải.
- Kỹ thuật cảnh báo các thuốc có nguy cơ nhầm lẫn

Đông dược:

- Thảo
- Khô
- Thảo
- Thảo
- Thảo

Hiện cảnh báo các thuốc nhìn gần giống

Dẫn ký hiệu cảnh báo ở góc 1

Đông dược

BỆNH VIỆN

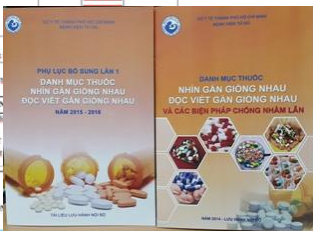
TÊN BIỆT

(Tên loại)

Cơ sở:

TRUYỀN DƯỢC

PHÒNG



Ngày nhận: \_\_\_\_\_

Họ tên người chịu trách nhiệm: \_\_\_\_\_

Tên thuốc cần kiểm tra: \_\_\_\_\_

1. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra thuốc có nhãn cảnh báo đúng nguyên nhân đã hướng dẫn (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc không sinh thuốc tiền thuốc, các thuốc sống (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc không sinh thuốc tiền thuốc gây nghiện hướng tâm thần, thuốc hướng tâm thần, thuốc sinh thuốc tiền thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc có nhãn (1 điểm)

2. Tập hợp (2 điểm)

- Tập hợp các thuốc theo quy định (1 điểm)
- Tập hợp các thuốc theo quy định ABC (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

3. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

4. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

5. Kiểm tra (2 điểm)

- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)
- Kiểm tra các thuốc (1 điểm)

Tổng điểm: (10 điểm)



## Sàng lọc:

- **Loại bỏ** những vật không cần thiết:
  - ✓ Thiết bị
  - ✓ Tài liệu
  - ✓ Vỏ thuốc
  - ✓ Vật dụng cá nhân
- **Trả lại** những thuốc không cần thiết/ ít sử dụng
- **Điều chỉnh** số lượng thuốc phù hợp nhu cầu thực tế



## Screening:

- **Discard unnecessary things:**
  - ✓ Equipment
  - ✓ Document
  - ✓ Drug cover
  - ✓ Personal belongings
- **Return unnecessary/ rarely used medicine**
- **Adjust amount of medicine enough for actual**





### Sắp xếp:

- **Đúng qui định:** thuốc gây nghiện, hướng tâm thần; thuốc có điều kiện bảo quản đặc biệt
- **Ngăn nắp:** sắp xếp gọn theo nhóm (tiêm, uống, đặt, dùng ngoài)
- **Trật tự:** tên thuốc mỗi nhóm theo thứ tự ABC
- **Tiện lợi:** dễ thấy, dễ lấy
- **Mỹ quan**
- **Có biện pháp chống nhầm lẫn thuốc**



### Arranging things:

- **In regulation:** Addictive drug, minor tranquillize, drug with special storage condition
- **In neat way:** Medicine arranged according to form ( injection, oral use, suppository, external use)
- **In order:** in alphabetical order
- **For convenience:** easy to see, easy to take
- **With good looking**
- **With measure of preventing medication mistake**



### Sạch sẽ:

- Nhãn sạch, đúng qui định, không tẩy xóa
- Hộp thuốc sạch
- Kệ tủ sạch



### Cleansing:

- Clean / well-regulated / not erased label
- Clean medicine container
- Clean medicine shelves



### **Săn sóc:**

- Thường xuyên thực hiện S1, S2, S3
- Theo dõi hạn dùng của thuốc
- Thuốc cất lẻ phải có số lô hạn dùng
- Danh mục cơ sở tử trực đúng quy định



### **Caring:**

- Constant implementation S1, S2, S3
- Expiry date must be monitored
- Separated medicine must have lot N, exp date
- List of drugs in medicine cabinet must be in regulation



### Sẵn sàng:

- Tuân thủ các qui định đã đề ra
- Đảm bảo đủ số lượng cơ số tủ trực



### Getting ready:

- Comply with established regulations
- Guarantee right amount of medicine in cabinet







## Trước khi thực hiện 5S...



## Before implementation 5S...





## Sau khi thực hiện 5S...



## After implementation 5S...





## Sau khi thực hiện 5S...



## After implementation 5S...







## Chống nhầm lẫn thuốc

- **Thuốc nhìn gần giống nhau (*Look alike*):** bao bì trực tiếp/ gián tiếp tương tự nhau
- **Thuốc đọc gần giống nhau (*Sound alike*):** tên biệt dược/tên hoạt chất có cách phát âm/viết tương tự nhau



## Preventing medication mistake

- ***Look alike*** : similar packaging
- ***Sound alike***: Brand / Generic names with similar pronunciation and writing





# Thuốc nhìn gần giống nhau



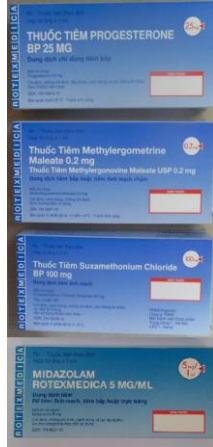
**Methylergometrine**  
0,2 mg/ ml

**Progesterone 25**  
mg/ ml



**Betene 4 mg/ ml**  
(Betamethason)

**Vitamin K1 10 mg/ ml**



# Look alike



**Methylergometrine**  
0,2 mg/ ml

**Progesterone 25**  
mg/ ml



**Betene 4 mg/ ml**  
(Betamethason)

**Vitamin K1 10 mg/ ml**





## Cẩn thận với những thuốc có nhiều hàm lượng!



## Be careful with medicine in various type of content!





## Thuốc đọc viết gần giống nhau

<b>ATROpin sulfat 0,25 mg/ ml</b> (Atropin sulfat) Ống dung dịch tiêm	<b>ANAROpin 0,2 % (2 mg/ ml)</b> (Ropivacain) Ống dung dịch tiêm
<b>VinPHACINE 500 mg</b> (Amikacin) Ống dung dịch tiêm	<b>VinPHATOXIN 5 IU</b> (Oxytocin) Ống dung dịch tiêm
<b>LoSEC 40mg</b> (Omeprazol) Lọ bột pha tiêm	<b>LoXEN 10mg/ml</b> (Nicardipin) Ống dung dịch tiêm
<b>LEVONOR 1mg/ml</b> (Norepinephrine) Ống dung dịch tiêm truyền	<b>LOVENOX 40mg hoặc 60mg</b> (Enoxaparin) Bơm tiêm thuốc đóng sẵn



## Name alike

<b>ATROpin sulfat 0,25 mg/ ml</b> (Atropin sulfat) Ampoule	<b>ANAROpin 0,2 % (2 mg/ ml)</b> (Ropivacain) Ampoule
<b>VinPHACINE 500 mg</b> (Amikacin) Ampoule	<b>VinPHATOXIN 5 IU</b> (Oxytocin) Ampoule
<b>LoSEC 40mg</b> (Omeprazol) Vial	<b>LoXEN 10mg/ml</b> (Nicardipin) Ampoule
<b>LEVONOR 1mg/ml</b> (Norepinephrine) IV infusion	<b>LOVENOX 40mg hoặc 60mg</b> (Enoxaparin) Prefilled syringe



## Biện pháp chống nhầm lẫn

- ✓ Lưu trữ thuốc
  - ✓ Kê đơn/chỉ định thuốc
    - ✓ Cấp phát, giao nhận thuốc
      - ✓ Sử dụng thuốc cho bệnh nhân



## Measure of preventing medication mistake

- ✓ Storage
  - ✓ Prescription
    - ✓ Dispensation
      - ✓ Administration





## Lưu trữ thuốc

- **Sắp xếp** các thuốc nhìn gần giống nhau, đọc viết gần giống nhau vào các khay, tủ, kệ khác nhau
- **Dán nhãn** ở vị trí dễ thấy
- Dùng thêm **nhãn cảnh báo**
- Thuốc có tên nhìn gần giống nhau, đọc viết gần giống nhau: **đánh dấu** những chữ cái khác biệt



## Storage

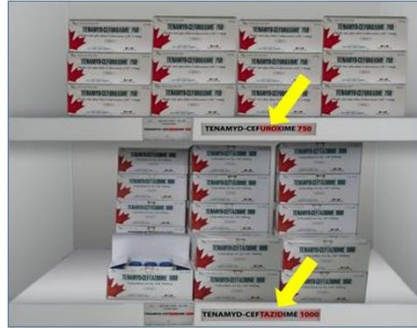
- **Place drugs** look alike / name alike on different trays / shelves / in different cabinets
- **Label** on conspicuous position
- Use **additional warning label**
- **Mark** different letters on drugs look alike / name alike



**CEFUROXIME 750 MG**

**CEFTAZIDIME 1000 MG**

Nhãn cảnh báo hai tên thuốc  
đọc viết gần giống nhau

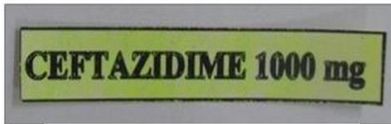


**CEFUROXIME 750 MG**

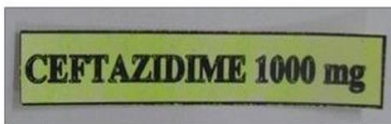
**CEFTAZIDIME 1000 MG**

Warning label drugs look alike





Nhãn cảnh báo



Warning label





## Nhãn cảnh báo cho kệ hoặc khay chứa thuốc



## Warning label for container or shelf





## Hiệu quả

- Tủ thuốc sạch sẽ & ngăn nắp hơn.
- Nhân viên trở nên có kỷ luật, nề nếp hơn.
- Công việc trở nên thuận tiện hơn.
- Động lực phát huy sáng kiến cải tiến.
- Viên chức người lao động tự hào về nơi làm việc của mình.



## Effectiveness

- Medicine cabinet tidier
- Staffs more well-disciplined.
- Work easier.
- Motivation for initiatives.
- Staffs proud of their workplace



## Thuận lợi & khó khăn

Thuận lợi:

- Sự ủng hộ của Ban Giám Đốc
- Sự quyết tâm của tập thể khoa
- Sự phối hợp nhiệt tình giữa các khoa phòng



## Advantage and disadvantage

Advantage:

- Support from Board of director
- Determination of staffs
- Enthusiastic cooperation between departments



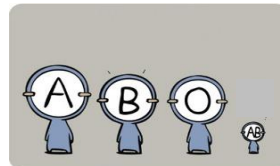


### Khó khăn:

- Tâm lí ngại thay đổi



- Đặc thù từng khoa

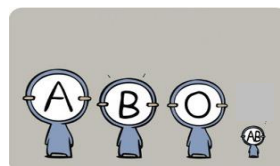


### Disadvantage:

- Reluctance to change



- Specific characteristic of departments

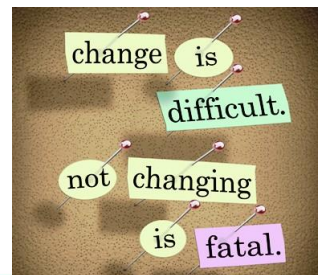






## Hướng khắc phục

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục
- Tăng cường kiểm tra, giám sát
- Lắng nghe, chia sẻ, cùng giải quyết

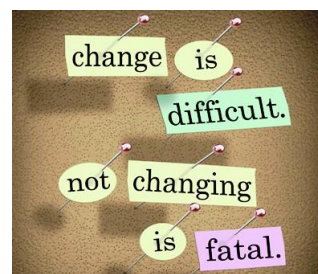


63



## Solution

- Promote education
- Strengthen supervision and check
- Listen, share and solve together



64



